TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 17-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Diệp Chanh Tha

Ông Kim Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Ý Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Cao Văn Nở - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Trần Văn T - Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Trà Cú.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Công an huyện T: Ông Quách Trương L – nhân viên Toà án nhân dân huyện Trà Cú.

Ngày 17 tháng 02 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Trương Tuấn N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1993 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1, sinh năm 1957 và bà Trương Thị Kim T1, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh năm 1996 nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (hiện tại không xác định được địa chỉ nơi cư trú cụ thể và đã ly hôn), bị cáo chưa có con; tiền án: không có, tiền sự: không có. Bị bắt truy nã và bị tạm giữ vào ngày 01/11/2024, đến ngày 04/11/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Kim L1, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Ông Lê Quốc K1, sinh ngày 09/11/1987. Nơi cư trú : ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 40 phút ngày 01/6/2024, ông Kim L1 trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T nội dung bị hai nam thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) cướp giật tài sản của ông là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76, màu đen, ốp lưng màu hồng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, xảy ra tại khu vực đường đanl thuộc ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày. Sau khi tiếp nhận nguồn tin báo về tội phạm nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành kiểm tra, xác minh. Đến ngày 03/6/2024, qua công tác xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xác định người thực hiện hành vi cướp giật tài sản của ông L1 là Lê Quốc K1 và bị cáo Trương Tuấn N (tên thường gọi là M). Sau đó, tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Quốc K1 để phục vụ công tác điều tra. Đồng thời, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của K1 tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đã thu giữ các đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của hai đối tượng.

Đến ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố bị can đối với Lê Quốc K1 về tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 18 tháng tù về tội danh nêu trên. Riêng đối với bị cáo Trương Tuấn N đã bỏ trốn sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã. Đến ngày 01/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T kết hợp với Công an phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh bắt bị cáo Trương Tuấn N. Quá trình điều tra, bị cáo Trương Tuấn Nguyên K2 nhận quá trình thực hiện hành vi phạm tội cùng với Lê Quốc K1, cụ thể như sau:

Khoảng 2 tháng trước ngày xảy ra sự việc (không xác định ngày cụ thể), bị cáo Trương Tuấn N thông qua mạng xã hội Z kết bạn với một người phụ nữ (không

rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) bị cáo nhận người phụ nữ trên làm chị nuôi và gọi là "Chị hai". Vào khoảng 09 giờ ngày 31/5/2024, giữa bị cáo N và người phụ nữ gọi điện thông qua ứng dụng Zalo trò chuyện với nhau. Lúc này, người phụ nữ nói cho bị cáo N biết là bị một người khác nói xấu trên mạng xã hội nên nhờ bị cáo giải quyết mâu thuẫn dùm và được bị cáo đồng ý. Sau khi đồng ý, bị cáo N có yêu cầu người phụ nữ là "Chị hai" cung cấp thông tin của người đã nói xấu trên mạng xã hội cho bị cáo biết. Sau đó, người phụ nữ cung cấp số điện thoại 0395074452 của ông Kim L1. Do biết ông L1 có đăng trên trang mạng xã hội Zalo cá nhân để bán đất nên bị cáo N đã sử dụng điện thoại di động của bị cáo có gắn sim số 0971182028 gọi vào số thuê bao nêu trên của ông L1 và lấy lý do muốn mua đất để hẹn gặp ông L1 thì được ông L1 đồng ý. Sau khi điện thoại nói chuyện trực tiếp với ông L1 xong, bị cáo N tiếp tục sử dụng mạng xã hội Zalo của bị cáo N có tên là "trương tuấn nguyên" để kết bạn Z với ông L1 có tên là "Anh Ly K3" để tiếp tục nhắn tin hỏi thêm thông tin về thửa đất mà ông L1 đăng bán tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, giữa bị cáo và ông L1 hẹn gặp nhau tại khu vực ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh để ông L1 trực tiếp dẫn đi xem đất.

Sau khi liên hệ và được ông L1 đồng ý dẫn đi xem đất, đến khoảng 16 giờ cùng ngày bị cáo N có gọi điện thoại cho Lê Quốc K1 để rủ K1 cùng đi giải quyết vụ việc trên, K1 đồng ý. Đến khoảng 06 giờ 40 phút ngày 01/6/2024, bị cáo Trương Tuấn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu xám đen, biển số: 84H1 - 501.07 đến nhà chở Lê Quốc K1 đi như đã thỏa thuận trước đó. Khi vừa lên xe đi được một đoạn thì bị cáo N có nói với K1 là "đi gặp một nam thanh niên để đánh nam thanh niên đó và giật điện thoại của nam thanh niên đó và đập điện thoại luôn". Sau khi nghe N nói, bị cáo K1 có hỏi lại Nguyên lý do tại sao thì được trả lời là có mâu thuẫn với ông L1 nhưng không nói rõ là mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, K1 cũng không hỏi rõ thêm nguyên nhân mâu thuẫn giữa bị cáo N và ông L1.

Sau đó, K1 tiếp tục ngồi sau xe mô tô của bị cáo N cho bị cáo N chở đi về hướng huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi đến khu vực điểm hẹn là đoạn đường đanl thuộc ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo N dừng xe lại. Lúc này, bị cáo N sử dụng điện thoại di động của mình gọi điện cho ông L1 thông báo cho ông L1 biết đã đến điểm hẹn như thỏa thuận để tiến hành xem đất. Sau khi được N thông báo cho biết nội dung trên, ông L1 điều khiển xe xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu vàng đen, biển số: 84L1 - 337.76 đến khu vực đầu đoạn đường đanl gần thửa đất mà ông L1 giới thiệu cho bị cáo N và dừng xe tại đó (bên lề phải theo hướng xe mô tô của ông L1 điều khiển cũng là hiện trường nơi xảy ra vụ án). Thời điểm dừng xe lại ông L1 lấy từ trong túi ra 01 điện thoại di động màu đen, màn

hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A76 có gắn thẻ sim số 0395074452 và bên ngoài có gắn 01 ốp lưng điện thoại, màu hồng dùng cho điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76 ra để gọi lại cho bị cáo N thông báo là ông L1 đã đến. Tuy nhiên, ông L1 chưa thực hiện cuộc gọi, thì bị cáo N đang dừng xe cách đó khoảng 80m nhìn thấy ông L1 trên tay đang cầm điện thoại. Lúc này, bị cáo N điều khiển xe mô tô chở K1 ngồi phía sau đến vị trí ông L1 đang dừng xe. Khi xe mô tô của N chạy đến và ngang với xe mô tô của ông L1 thì bị cáo N dừng xe lại cho K1 bước xuống xe. Sau khi K1 bước xuống xe xong, thì bị cáo N tiếp tục điều khiển xe chạy đi và dừng xe mô tô lại trên lộ nhựa tiếp giáp với đầu đường đanl, cách xe của ông L1 khoảng 02m đến 03m. Đồng thời, bị cáo N tắt máy xe và đứng cạnh xe mô tô của mình để đợi K1. Riêng đối với K1, sau khi bước xuống xe và nhìn thấy trên tay ông L1 đang cầm điện thoại lập tức đi bộ tiến về vị trí của ông L1 nhằm mục đích giật điện thoại của L1 như kế hoạch ban đầu của hai người. Khi K1 đến gần vị trí của ông L1 đang đứng và cách ông L1 khoảng 01m. Giữa vị trí K1 và ông L1 đứng là xe mô tô của ông L1 đang dựng tại đó. K1 đứng đối diện với ông L1 và dùng tay phải công khai giật lấy điện thoại của ông L1 rồi nhanh chóng chạy đến vị trí của N đang dừng xe, rồi lên xe mô tô ngồi phía sau kêu bị cáo N "chạy, chạy" để N điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Riêng ông L1 chạy bộ đuổi theo nhưng không kịp và truy hô "cướp, cướp". Trên đường điều khiển xe mô tô tẩu thoát về hướng huyện T, tỉnh Trà Vinh để tránh sự phát hiện của người khác, K1 đã tháo ốp lưng điện thoại di động và thẻ sim của điện thoại ném bỏ (nhưng K1 không xác định và nhớ cụ thể vị trí). Sau khi đi được một đoạn thì K1 thay N điều khiển xe mô tô và đưa điện thoại di động vừa cướp giật được cho N ngồi phía sau cất giữ. Khi cả hai đến khu vực cầu R, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì đi vào một quán nước giải khát gần đó để uống nước.

Lúc này, bị cáo N hỏi K1 có biết cửa hàng điện thoại nào hay không để bẻ khóa màn hình điện thoại di động vừa giật được (do màn hình có cài mật khẩu). Sau đó, K1 lấy điện thoại nêu trên từ Nguyên và điều khiển xe mô tô đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1988 nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (do anh Đ làm chủ gần khu vực cầu R). Khi đến cửa hàng điện thoại, K1 đã thỏa thuận giá bẻ khóa điện thoại với anh Đ là 150.000 đồng. Do không có tiền nên K1 để lại điện thoại tại cửa hàng. Riêng K1 điều khiển xe mô tô quay ngược lại gặp N để chở N đến cửa hàng điện thoại trả tiền bẻ khóa màn hình. Khi đến cửa hàng điện thoại, bị cáo N trực tiếp trả tiền bẻ khóa màn hình cho anh Đ, rồi nhận lại điện thoại và điều khiển xe chở K1 về nhà.

Trên đường về nhà K1 có ý định giữ lại điện thoại di động vừa giật được của ông L1 để cho con xài nên K1 nói với N "con tao khờ khờ, thôi cho điện thoại này

cho nó chơi game đi, có gì anh em mình tính sau" và được bị cáo N đồng ý. Khi về đến nhà K1 thì K1 đem điện thoại vào nhà cất giữ. Riêng bị cáo N thì tiếp tục điều khiển xe đi nhưng đi đâu, làm gì thì K1 hoàn toàn không biết rõ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A76, không thẻ sim, điện thoại đã qua sử dụng khoảng 24 tháng. Tình trạng điện thoại hoạt động bình thường, không bị hư hỏng có giá trị 1.600.000 đồng.

- 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0395074452, đã qua sử dụng khoảng 05 năm có giá trị 100.000 đồng.

- 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu hồng, đã qua sử dụng khoảng 01 tháng có giá trị 50.000 đồng.

Tổng giá trị những tài sản nêu trên là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại thời điểm xảy ra vụ cướp giật tài sản (ngày 01/06/2024). (Bút lục số 01; số 11 đến số 30; số 55 đến số 62b; số 88 đến số 98; số 131 đến số A).

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Ngày 12/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu liên quan từ bị cáo Trương Tuấn N gồm: 01 xe mô tô, biển số: 84H1 - 501.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xám đen do bị can Trương Tuấn N đứng tên trong giấy đăng ký xe.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-HS ngày 24/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Trương Tuấn N về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Tuấn Nguyên K2 nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Tuấn N phạm tội "Cướp giật tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trương Tuấn N từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2024.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 47 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sư: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô, biển số: 84H1 - 501.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xám đen do bị can Trương Tuấn N đứng tên trong giấy đăng ký xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại ông Kim L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Nguyễn Thành Đ và ông Lê Quốc K1 vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Tuấn N đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người làm chứng, kết luận điều tra và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 01/6/2024, tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi trao đổi, thống nhất với Lê Quốc K1 về việc chiếm đoạt tài sản điện thoại di động của bị hại Kim L1, bị cáo Trương Tuấn N cùng với Lê Quốc K1 công khai nhanh chóng giật lấy để chiếm đoạt tài sản là 01 (một) điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A76 có gắn thẻ sim và ốp lưng có tổng giá trị là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại thời điểm xảy ra sự việc. Hành vi nêu trên do bị cáo Trương Tuấn N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): *"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"*. Do đó, cáo trạng số 15/CT-VKS, ngày 24/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Trương Tuấn N về tội cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội, xét về vai trò bị cáo là người đề xuất khởi xướng việc cướp giật điện thoại của ông Kim L1 và rủ Lê Quốc K1 cùng thực hiện, bị cáo là người chuẩn bị xe mô tô để điều khiển đến nơi hẹn với bị hại và điều khiển xe tẩu thoát sau khi thực hiện hành vi. Hành vi đó của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn trong quá trình điều tra làm rõ vụ án. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc

đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có trình độ học vấn tương đối thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị cáo có cô ruột và bác ruột là người có công với cách mạng, là các tình tiết để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Đối với ông Nguyễn Thành Đ việc bị cáo Trương Tuấn N đến bẻ khóa màn hình điện thoại đã cướp giật được. Ông Đ hoàn toàn không biết điện thoại nêu trên là do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Do đó, ông Đ không có hành giúp sức và liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét xử lý.

[6] Đối với hành vi của Lê Quốc K1. Qua quá trình điều tra có đủ cơ sở kết luận vào ngày 01/6/2024 tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh có tham gia cùng với bị cáo N thực hiện hành vi giật lấy tài sản của bị hại Kim L1, Lê Quốc K1 đã bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử 01 năm 06 tháng tù.

[7] Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sư năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Đối với 01 xe mô tô, biển số: 84H1 - 501.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xám đen do bị cáo Trương Tuấn N đứng tên trong giấy đăng ký xe là phương tiện mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Kim L1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo N phải chịu nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo Trương Tuấn N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Tuấn N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/11/2024.

Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sư năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô, biển số: 84H1 - 501.07, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xám đen do bị cáo Trương Tuấn N đứng tên trong giấy đăng ký xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Kim L1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí:Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Trương Tuấn N phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Tuấn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Kim L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Trà Cú;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Duyên